

Bản án số: 109/2023/HC-PT

Ngày: 19/4/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: - ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: - ông Nguyễn Văn Tiến

- ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 323/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 989/2023/QĐPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Phan Công C, sinh năm 1957 và bà Trần Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh L – Phó Chủ tịch. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Vương Quốc H – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. Ông Huỳnh Ngọc H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện: ông Huỳnh Ngọc H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phan Công C, bà Trần Thị T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m², loại đất trồng cây lâu năm tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam do gia đình ông Phan Công C khai hoang sử dụng từ năm 1981 để trồng cây lâu năm như bạch đàn (bạc hà)... Vị trí thửa đất này nằm đối diện với thửa đất số 685, tờ bản đồ số 3, diện tích 573m², loại đất thổ cư của hộ ông Phan Công C được Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/1995. Hiện nay trên diện tích đất này gia đình ông Phan Công C có trồng cây cối lâu năm và một số loại cây hàng năm như chuối...

Quá trình quản lý sử dụng đất từ trước đến nay của gia đình ông Phan Công C là lâu dài, ổn định và liên tục, thửa đất phù hợp với quy hoạch, ranh giới ổn định, không có bất kỳ tranh chấp nào với các chủ sử dụng đất liền kề xung quanh, đủ điều kiện được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Nhưng do trước đây gia đình ông Phan Công C kinh tế khó khăn, lo làm ăn kiếm tiền cộng với việc không hiểu biết quy định của pháp luật, nên không có kê khai đăng ý đất đai theo Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ, hồ sơ đăng ký Nghị định số 64/CP của Chính phủ và hồ sơ đo mới VN. 2000.

Việc UBND thành phố H ban hành Thông báo số 1027/TB-UBND ngày 17/10/2018 về việc giải quyết đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chưa đúng với thực tế quá trình sử dụng đất, chưa đúng với quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Phan Công C.

Từ những căn cứ pháp lý, các nội dung đã viện dẫn như trên, người khởi kiện ông Phan Công C, bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết:

- Hủy Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H;

- Hủy Thông báo số 1027/TB-UBND ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phan Công C theo đúng quy định pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố H ông Nguyễn Minh L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Vương Quốc Hòa trình bày:

Đối với nội dung người khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 1027/TB-UBND về việc giải quyết đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Thửa đất mà người khởi kiện có đơn được thể hiện trong hồ sơ đăng ký đất đai qua các thời kỳ như sau: Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP của Chính phủ là một phần thửa đất số 576, tờ bản đồ số 3, xã C, loại đất hoang, do UBND xã C quản lý. Theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại xã C là một phần thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, xã C, loại đất BCS do UBND xã C quản lý (xã C không có hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Vị trí thửa đất ông Phan Công C xin cấp Giấy chứng nhận và đang khởi kiện được hộ ông C sử dụng từ sau ngày 01/7/2004. Tại thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận thì trên đất có trồng một số cây chuối.

Như vậy, phần diện tích mà công dân có đơn khởi kiện không được hộ ông C kê khai, đăng ký qua các thời kỳ. Đồng thời, hộ ông C không phải hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật. Do đó, hộ ông Phan Công C không đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận tại diện tích đất trên.

Ngày 17/10/2018, UBND thành phố ban hành Thông báo số 1027/TB-UBND về việc giải quyết đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo đó, trường hợp của hộ ông Phan Công C không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định. Như vậy, trường hợp của ông Phan Công C đã được UBND thành phố giải quyết dứt điểm vào năm 2018. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, thì yêu cầu hủy Thông báo trên của ông Phan Công C đã hết thời hiệu để xem xét, giải quyết.

Đối với nội dung yêu cầu huỷ Văn bản số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thành phố H:

Căn cứ quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính thì việc từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ tại Văn bản số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thành phố H là đảm bảo theo quy định.

Đồng thời, qua buổi xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy, trên thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² tại thôn T, xã C, thành phố H chỉ có một số loại cây mới trồng của ông Phan Công C.

Từ những nhận định trên, UBND thành phố H xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C và bà Trần Thị T về việc huỷ Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/TTHCC ngày 18/5/2021, huỷ Thông báo số 1027/TB-UBND ngày 17/10/2018 và buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, xã C cho hộ ông Phan Công C là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C, ông Huỳnh Ngọc Hùng trình bày:

Hồ sơ kê khai, đăng ký qua các thời kỳ của thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² tại thôn T, xã C:

- Hồ sơ 299/TTg: Không có;

- Hồ sơ Nghị định số 64/CP: Thuộc một phần thửa đất số 576, tờ bản đồ số 3, diện tích 864m² loại đất hoang do UBND xã C quản lý và một phần thửa đất số 577, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.042m² loại đất hoang do UBND xã C quản lý (hồ sơ được Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam ký phê duyệt ngày 22/8/2000).

- Hồ sơ VN.2000: Thuộc một phần thửa, đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 1685m² loại đất hoang bằng do UBND xã C quản lý (hồ sơ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam ký phê duyệt ngày 22/02/2005).

Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² do UBND xã C quản lý và thửa đất số 685, tờ bản đồ số 3, diện tích 573m² hộ gia đình ông Phan Công C quản lý, sử dụng. Hai chủ thể quản lý, sử dụng hai thửa đất khác nhau có thể hiện rõ trong hồ sơ kê khai đăng ký đất đai qua các thời kỳ. Do vậy ông Phan Công C chỉ quản lý, sử dụng thửa đất 685, tờ bản đồ 3, diện tích 573m². Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 685, tờ bản đồ số 3 trước đây là hai thửa riêng biệt.

Con đường bê tông rộng 3m được xây dựng từ tháng 02/2002 trên nền đường đất đã có từ sau ngày giải phóng 30/4/1975.

Người làm chứng ông Võ Xuân Phương không ở tại địa phương, ông Huỳnh Kim Chi cùng thôn có khởi kiện nội dung tương tự của vụ án, không phải hộ liên kê, ông Nguyễn Đình Thận hiện nay đang điều trị tâm thần, đề nghị Tòa án xem xét lại lời làm chứng của những người làm chứng này. Các hộ liên kê và biết việc sử dụng đất của hộ ông Phan Công C đã được UBND xã Cẩm Kim mời họp lấy ý kiến về nguồn gốc đất.

Từ các nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C và bà Trần Thị T về việc: Hủy Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H; hủy Thông báo số 1027/TB-UBND ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phan Công C theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2022, người khởi kiện ông Phan Công C và bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo ông C, bà T cho rằng Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T là không đúng pháp luật, không phù hợp thực tế về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C, bà T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thành C người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T, giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính,

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C và bà T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Phan Công C, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Trong quá trình khởi kiện ông Phan Công C và bà Trần Thị T cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Công C trình bày, thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m², loại đất trồng cây lâu năm tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam do gia đình ông Phan Công C khai hoang sử dụng từ năm 1981, nhưng do trước đây gia đình ông Phan Công C kinh tế khó khăn, lo làm ăn kiếm tiền cộng với việc không hiểu biết quy định của pháp luật, nên không kê khai, đăng ký thửa đất theo quy định của pháp luật, đồng thời ông C trình bày, quá trình quản lý sử dụng đất từ trước đến nay của gia đình ông là lâu dài, ổn định và liên tục, thửa đất phù hợp với quy hoạch, không có bất kỳ tranh chấp nào với các chủ sử dụng đất liền kề xung quanh, đủ điều kiện được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

[2]. Qua xem xét hồ sơ liên quan thì thửa đất do ông C yêu cầu không có hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, theo hồ sơ Nghị định số 64/CP của Chính phủ là một phần thửa đất số 576, tờ bản đồ số 3, xã C, loại đất hoang, do UBND xã C quản lý. Theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại xã C là một phần thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, xã C, loại đất BCS do UBND xã C quản lý, hồ sơ được Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam ký phê duyệt ngày 22/8/2000. Như vậy, thửa đất nêu trên do cơ quan Nhà nước quản lý theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Quá trình khởi kiện, ông C có cung cấp lời khai một số người làm chứng gồm ông Võ Xuân Phương; ông Huỳnh Kim Chi; ông Nguyễn Đình Thận, xét thấy lời khai của những người làm chứng không phù hợp với hồ sơ địa chính do UBND xã C lưu trữ nên không có cơ sở chứng minh quyền sử dụng thửa đất là của gia đình ông C, quá trình khởi kiện ông C cũng không cung cấp được giấy tờ, thủ tục hoặc các biên lai về nghĩa vụ tài chính gì có liên quan đến quyền sử dụng đối với thửa đất, qua kiểm tra hiện trạng trên đất chỉ có hai cây bạch đàn và một số cây chuối là cây hàng năm, không có cây lâu năm, tại phiên tòa phúc thẩm bà T và ông Nguyễn Thành C, người đại diện theo ủy quyền của ông C khai thửa đất do cha mẹ

ông C canh tác để lại nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, do vậy, không có căn cứ xác định gia đình ông C có quyền sử dụng đối với thửa đất.

[3]. Xem xét việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính, xét thấy: Ngày 17/10/2018, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 1027/TB-UBND về việc giải quyết Đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ông C đã nhận được Thông báo nêu trên vào ngày 17/10/2018, sau đó, ông C có đơn khiếu nại, ngày 20/3/2020 UBND thành phố Hội an có Văn bản số 98/TB-UBND về việc “*Không thụ lý giải quyết khiếu nại*” của ông C, sau khi nhận Văn bản số 98/TB-UBND, đến ngày 27/5/2021 ông C mới khởi kiện đối với Thông báo số 1027/TB-UBND nêu trên là quá thời hiệu khởi kiện (*Một năm*), theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Như vậy, về nội dung, việc khiếu nại của ông C đã được UBND thành phố giải quyết vào năm 2018, do trường hợp của hộ ông Phan Công C không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai, từ đó, T tâm Hành chính công thành phố H thuộc UBND thành phố H đã căn cứ quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính đã ban hành “*Phiếu chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ*” số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thành phố H là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C và bà Trần Thị T về việc: Hủy Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H; hủy Thông báo số 1027/TB-UBND ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phan Công C có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C, bà T không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông C, bà T, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm, ông C, bà T không nộp hồ sơ xin miễn án phí phúc thẩm nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của ông Phan Công C và bà Trần Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công C và bà Trần Thị T về việc: Hủy Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/TTHCC ngày 18/5/2021 của T tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H; hủy Thông báo số 1027/TB-UBND ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,9m² tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phan Công C theo đúng quy định pháp luật.

2/. Các Quyết định khác về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Phan Công C và bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*do ông Nguyễn Thành C nộp thay*) tiền tạm ứng án phí đã thu tại Biên lai số 0000236 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi

